

CTCP Cẩm Hà (UPCOM: CHC)

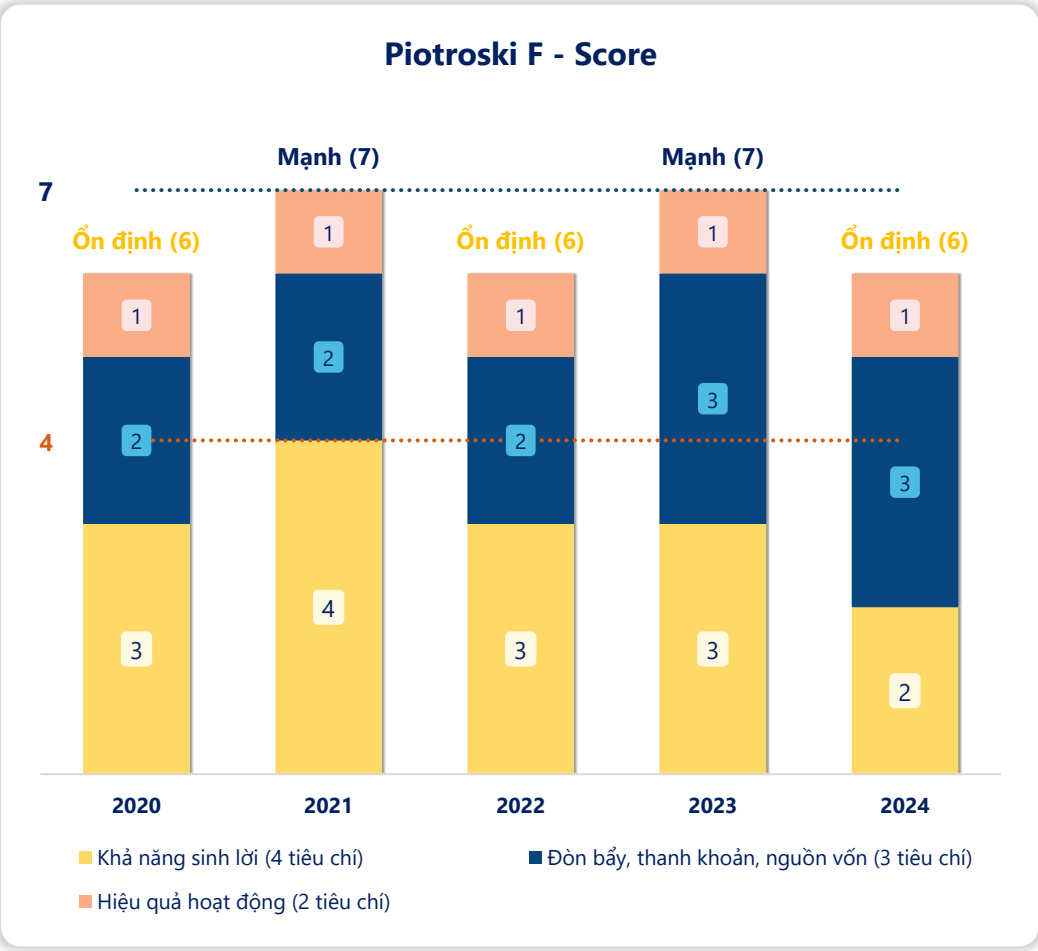
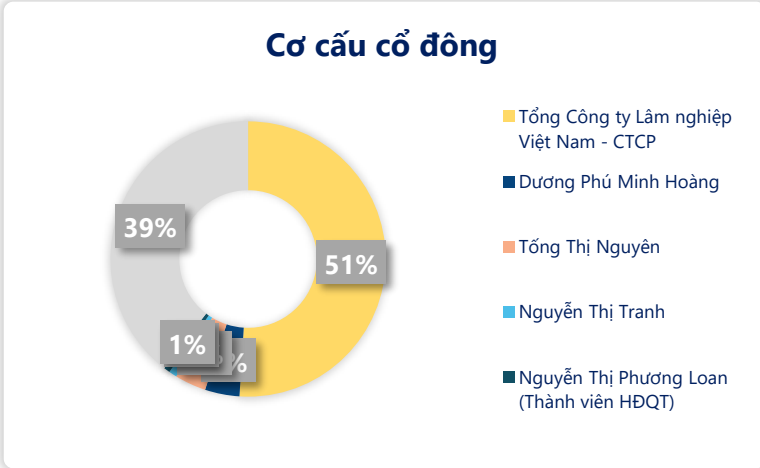
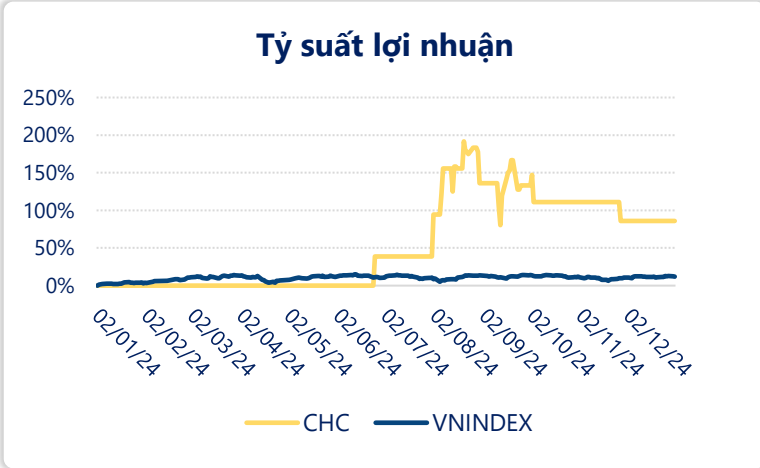
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	6,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-11.8%	34.0%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	6/9
	(Ổn định)

DT thuần	2024
	116
	tỷ VNĐ
	YoY
	▼ 33.0
	▼ 21.7%

LN sau thuế	2024
	1.19
	tỷ VNĐ
	YoY
	▲ 0.83
	▲ 226%

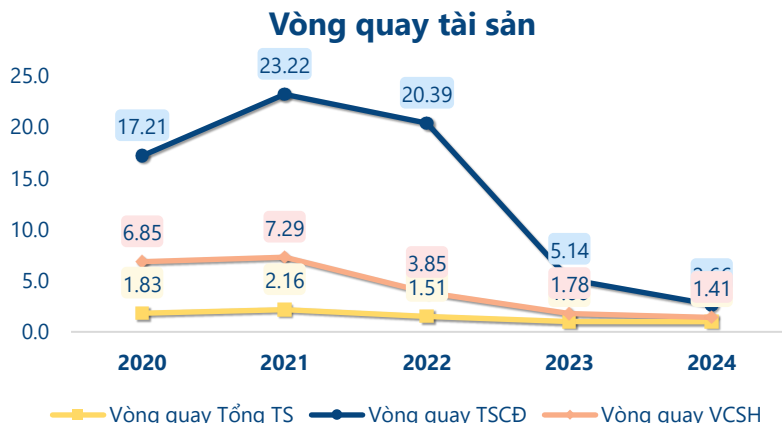
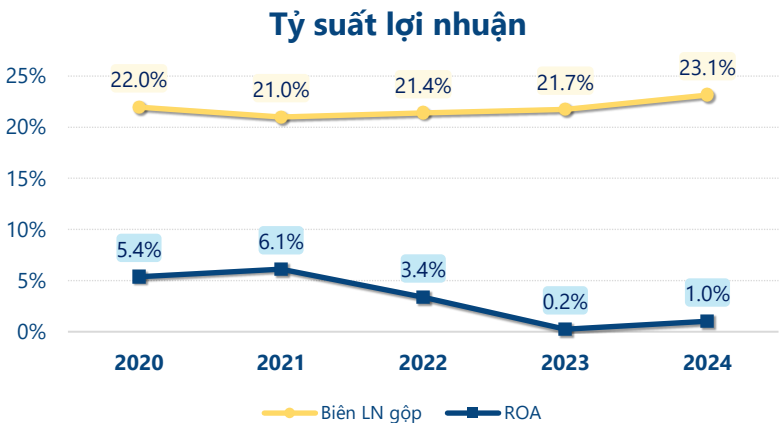
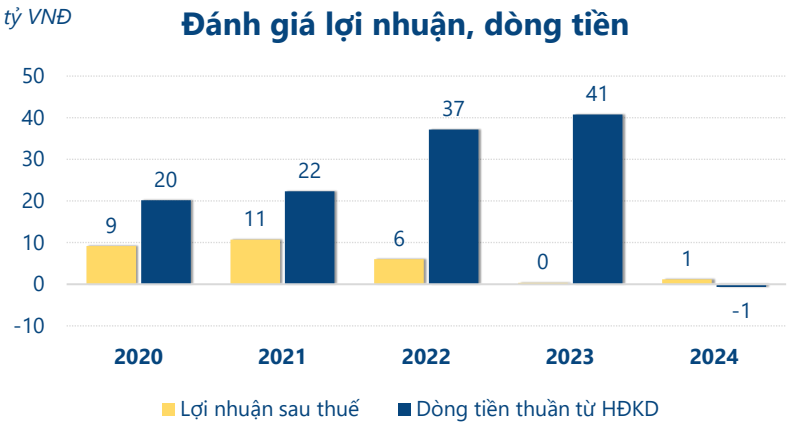


Năm 2024, F-Score của **CHC** đạt **6/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

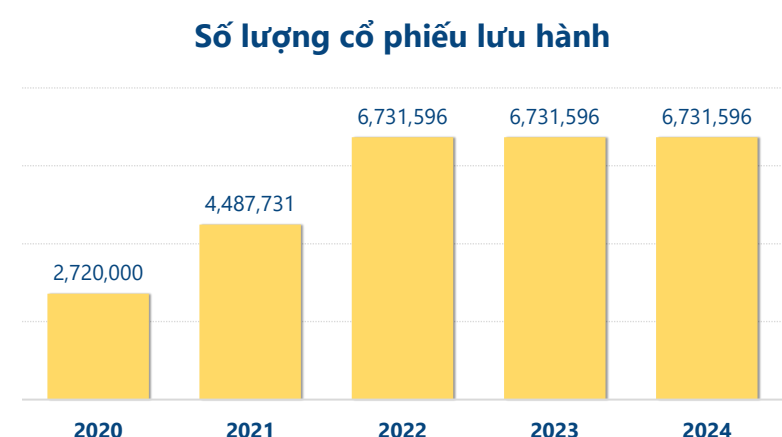
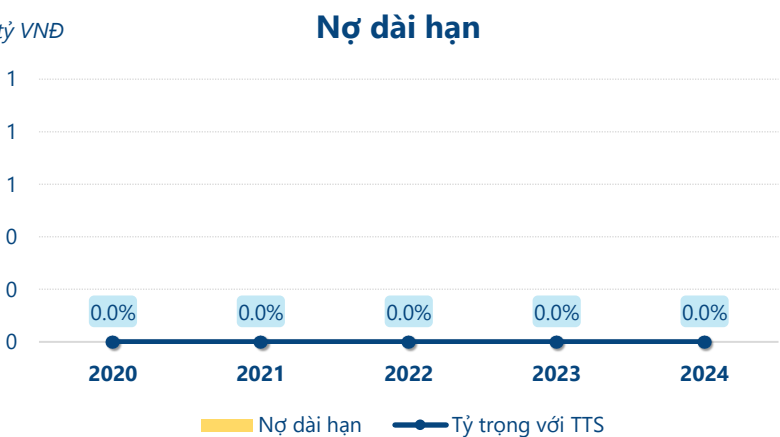
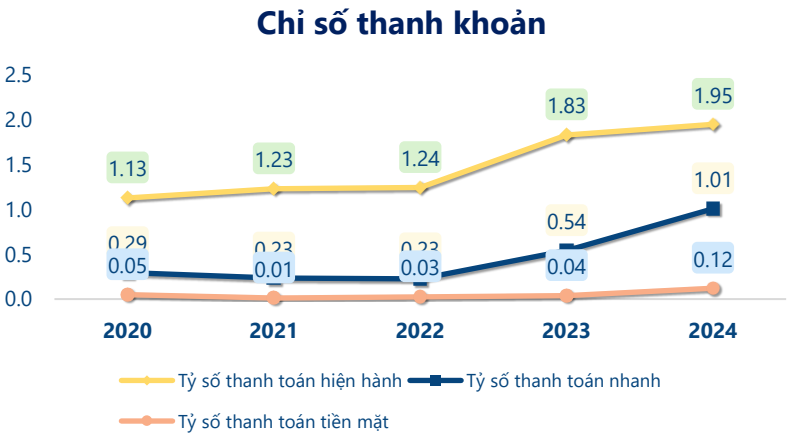
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **3/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Cẩm Hà (UPCOM: CHC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CHC**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	120	114	4.9%
Tài sản ngắn hạn	72.0	59.0	22.1%
Tiền và tương đương tiền	4.48	1.23	264%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.5	8.49	176%
Hàng tồn kho	34.8	41.6	-16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	9.28	7.67	21.0%
Tài sản dài hạn	48.0	55.5	-13.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	40.8	46.8	-12.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.23	8.72	-17.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.9	32.2	14.8%
Nợ ngắn hạn	36.9	32.2	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	19.1	20.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.33	3.93	60.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	83.1	82.3	1.0%
Vốn chủ sở hữu	83.1	82.3	1.0%
Vốn điều lệ	67.3	67.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	312	380	272	149	116
Giá vốn hàng bán	244	300	214	116	89.5
Lợi nhuận gộp	68.6	79.7	58.2	32.3	26.9
Doanh thu HĐTC	1.59	1.75	3.16	1.64	1.78
Chi phí TC	3.83	4.08	5.07	2.36	0.87
Chi phí lãi vay	3.39	3.18	3.73	2.01	0.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.1	40.5	24.0	11.2	10.2
Chi phí QLDN	20.3	24.2	25.7	20.4	16.1
LN thuần từ HĐKD	9.93	12.6	6.67	-0.02	1.61
Lợi nhuận khác	1.59	0.88	1.11	0.50	0.45
LN trước thuế	11.5	13.5	7.78	0.48	2.06
Lợi nhuận sau thuế	9.19	10.7	6.06	0.36	1.19
LNST của CĐ cty mẹ	9.19	10.7	6.06	0.36	1.19

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.2	22.3	37.2	40.8	-0.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.78	-9.10	-37.5	-1.66	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.74	-17.9	1.50	-40.4	3.94
Tiền đầu kỳ	1.46	6.13	1.42	2.54	1.23
Lưu chuyển tiền thuần	4.67	-4.71	1.13	-1.31	3.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	-0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.13	1.42	2.54	1.23	4.48